

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐẶC TRƯNG NGỮ PHÁP CỦA HIỆN TƯỢNG CHUYỂN LOẠI CÁC TỪ CHỈ BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI TRONG TIẾNG ANH

GRAMMATICAL CHARACTERISTICS OF CONVERSION OF ENGLISH WORDS
DENOTING HUMAN BODY PARTS

HỒ NGỌC TRUNG

(TS; Viện Đại học Mở Hà Nội)

Abstract: Conversion is a productive type of word formation in English. Of the groups of nouns most likely subject to conversion, names of human body parts are seen as a fertile source of new words added to the stock of English vocabulary. Despite this fact, not much research has been conducted on how this type of nouns undergoes conversion. The aim of this article is to examine the grammatical characteristics of conversion of English words denoting human body parts, and, in the coming ones, systematically investigate the semantic aspect as well as the Vietnamese equivalents of the phenomenon.

Key words: word formation; conversion; human body parts; grammatical; semantic; Vietnamese equivalents.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi từ loại (conversion), hay chuyển loại, là một trong các phương thức tạo từ phổ biến trong ngôn ngữ nói chung, và trong tiếng Anh nói riêng. Đây còn là một phương thức tạo từ mang đậm bản sắc của tiếng Anh: một ngôn ngữ biến hình nhưng có tính phân tích rất cao, có số lượng lớn từ đơn tiết thuận lợi cho việc chuyển loại (vì từ đơn tiết thường có tính cơ động và linh hoạt cao hơn so với từ đa tiết), và đặc biệt dễ hình thành các chuỗi biến hình (inflectional paradigm), rất phù hợp cho hiện tượng chuyển loại. Trong số các từ loại trong tiếng Anh quá trình chuyển loại có nguồn gốc từ danh từ, động từ và tính từ là phổ biến hơn cả, trong đó quá trình chuyển loại từ danh từ sang động từ sản sinh ra nhiều từ nhất cho ngôn ngữ này (Antrushina G.B., Afanasyeva O.V., Morozov N.N., 1985:69).

Cũng theo các tác giả Antrushina G.B., Afanasyeva O.V., Morozov N.N. (1985:70-71), có bảy xu hướng chuyển đổi nghĩa từ danh từ sang động từ như sau:

(i) Tên gọi công cụ, phương tiện → hoạt động gắn liền với công cụ, ví dụ: *to hammer, to nail, to pin, to brush, to comb, to pencil...*

(ii) Tên con vật → hành vi đặc trưng của con vật đó, hoặc hành động có liên quan đến con vật đó, ví dụ: *to dog, to wolf, to monkey, to ape, to fox, to fish, to rat...*

(iii) Tên bộ phận cơ thể người (BPCTN) → hành động gắn liền với bộ phận cơ thể đó, ví dụ: *to hand, to leg, to eye, to elbow, to shoulder, to nose, to mouth,...*

(iv) Tên nghề nghiệp → hoạt động gắn liền với nghề, ví dụ: *to nurse, to cook, to maid, to groom,...*

(v) Tên nơi chốn → quá trình liên quan đến nơi chốn đó, ví dụ: *to room, to house, to place, to table, to cage,...*

(vi) Tên vật chứa → hành động cho vật vào trong vật chứa, ví dụ: *to can, to bottle, to pocket,...*

(vii) Tên bữa ăn → hành động ăn gắn liền với bữa ăn đó, ví dụ: *to lunch, to supper,...*

Như vậy, có thể nhận thấy trong số các nhóm danh từ có xu hướng chuyển loại trong tiếng Anh, nhóm từ chỉ tên gọi BPCTN được

nhìn nhận là một trong những nguồn bổ sung từ mới đáng kể vào kho từ vựng. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ nghiên cứu, xu hướng chuyển loại của các từ chỉ BPCTN mới chỉ được mô tả một cách khái quát. Trong bài viết này chúng tôi sẽ làm rõ các đặc trưng ngữ pháp của hiện tượng chuyển loại các từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh.

2. Mô tả quá trình khảo sát

Trong giới hạn của phạm vi nghiên cứu, chúng tôi xác định tiêu chí lựa chọn từ chỉ BPCTN phục vụ cho việc khảo sát hiện tượng chuyển loại là như sau:

(i) Các từ có tính phổ biến trong giao tiếp hàng ngày;

(ii) Ưu tiên chọn các từ thuộc hệ thống tên gọi thông dụng, không thuộc hệ thống các tên gọi khoa học;

(iii) Chỉ chú ý đến tên gọi (nhằm phát hiện triệt để các hiện tượng chuyển loại), không quan tâm đến số lượng cụ thể các cơ quan có chung tên gọi (ví dụ như *bone* - xương, *tooth* - răng, *leg* - chân, *finger* - ngón tay, ...). Trường hợp có hai tên gọi khác nhau cho cùng một cơ quan vẫn được xét đến như là các tên riêng lẻ (ví dụ như: *pinky/little finger*, *intestine/gut*, ...). Do vậy số lượng tên gọi và số lượng cơ quan, bộ phận có thể sẽ không khớp nhau.

Căn cứ vào ba tiêu chí trên, qua quá trình khảo sát các danh mục và hình ảnh BPCTN từ các nguồn như:

<http://englishwilleasy.com/english-through-pictures/people-english-through-pictures/human-body/>,

<http://training.seer.cancer.gov/anatomy/body/>, http://en.wikipedia.org/wiki/Human_body
Chúng tôi tiến hành hạn định và xác lập danh mục 105 từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh phục vụ cho công việc khảo sát hiện tượng chuyển loại, 105 từ này được chúng tôi chia thành ba nhóm, dựa trên vị trí của các bộ phận trên cơ thể theo chiều thẳng đứng. Cụ thể như sau:

Nhóm 1: Phần đầu (the Head), bao gồm các từ chỉ bộ phận nằm ở đầu và cổ. Nhóm này có 34 từ, đó là: *adam's apple*, *beard*, *brain*, *cheek*, *chin*, *cornea*, *ear*, *earlobe*, *eye*,

eyebrow, *eyelash*, *eyelid*, *face*, *forehead*, *hair*, *head*, *iris*, *jaw*, *lip*, *mouth*, *mustache*, *nape* (of the neck), *neck*, *nose*, *nostril*, *palate*, *pupil*, *scalp*, *sideburn*, *skull*, *temple*, *throat*, *tongue*, *tooth*.

Nhóm 2: Phần thân (the Body), bao gồm các từ chỉ bộ phận tính từ vai xuống tới eo. Nhóm này có 25 từ, bao gồm: *back*, *backbone*, *belly*, *breast*, *chest*, *flank*, *groin*, *gut*, *heart*, *intestine*, *kidney*, *large intestine*, *liver*, *lung*, *navel*, *nipple*, *rib*, *shoulder*, *small intestine*, *spine*, *spleen*, *stomach*, *torso*, *waist*, *windpipe*.

Nhóm 3: Phần tứ chi và một số bộ phận khác, bao gồm các từ chỉ bộ phận nằm ở phần tay (19 từ), chân (từ thắt lưng trở xuống, 22 từ), và một số bộ phận nằm xuyên suốt cơ thể (5 từ). Nhóm này có các từ: *arm*, *armpit*, *elbow*, *finger*, *finger nail*, *forearm*, *forefinger*, *hand*, *index finger*, *knuckle*, *little finger*, *middle finger*, *nail*, *palm*, *pinky*, *ring finger*, *thumb*, *upper arm*, *wrist* (phần tay); *ankle*, *arch*, *backside*, *big toe*, *buttocks*, *calf*, *foot*, *heel*, *hip*, *hip-bone*, *instep*, *knee*, *kneecap*, *leg*, *little toe*, *loin*, *pelvis*, *shin*, *sole*, *thigh*, *toe*, *toenail* (phần chân); *blood*, *bone*, *muscle*, *skeleton*, *skin* (một số bộ phận khác).

Chúng tôi ưu tiên sử dụng tư liệu từ các trang từ điển uy tín trực tuyến vì so với các phiên bản giấy, các trang này có lợi thế trong việc cập nhập những biến động liên quan đến từ.

3. Kết quả khảo sát về đặc điểm ngữ pháp của hiện tượng chuyển loại các từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh

3.1. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 50 từ, chiếm gần 48% số từ được khảo sát, ít nhiều chịu sự tác động của hiện tượng này. Đó là các từ: [1] *beard*, [2] *brain*, [3] *cheek*, [4] *chin*, [5] *eye*, [6] *face*, [7] *head*, [8] *iris*, [9] *jaw*, [10] *lip*, [11] *mouth*, [12] *neck*, [13] *nose*, [14] *scalp*, [15] *skull*, [16] *throat*, [17] *tongue*, [18] *back*, [19] *belly*, [20] *breast*, [21] *chest*, [22] *flank*, [23] *groin*, [24] *gut*, [25] *heart*, [26] *intestine*, [27] *rib*, [28] *shoulder*, [29] *stomach*, [30] *elbow*, [31] *finger*, [32] *hand*, [33] *knuckle*, [34] *palm*,

[35] *thumb*, [36] *ankle*, [37] *backside*, [38] *foot*, [39] *heel*, [40] *knee*, [41] *kneecap*, [42] *leg*, [43] *toe*, [44] *shin*, [45] *sole*, [46] *blood*, [47] *bone*, [48] *muscle*, [49] *skeleton*, [50] *skin*.

Từ 50 tên gọi này chúng tôi tiếp tục khảo sát nghĩa của từ chuyển loại, xác nhận các nghĩa liên quan đến quá trình chuyển loại, đồng thời loại bỏ những nghĩa được hình thành từ các quá trình tạo từ khác (đồng âm, đồng hình, rút ngắn từ,...). Kết quả chúng tôi ghi nhận có tất cả 129 nghĩa được hình thành từ quá trình chuyển loại.

Kết quả đó nói lên quá trình chuyển loại các từ chỉ BPCTN đã trở thành một xu hướng tạo từ phổ biến trong tiếng Anh, đồng thời cũng là một xu hướng vận động chuyển hóa tự nhiên trong hệ thống từ vựng tiếng Anh. Thêm nữa, trong số 50 từ có hiện tượng chuyển loại, không phải tất cả đều có chung một xu hướng chuyển loại, chuyển nghĩa, do vậy cũng có thể khẳng định đây không phải là hiện tượng “nhất từ, đa loại” thuộc địa hạt cú pháp như một số người nhầm tưởng.

3.2. Xét về từ loại, chỉ có 07/50 từ (chiếm 14%) được chuyển sang hai từ loại khác, đó là các từ: *head* [7], *lip* [10], *back* [18], *gut* [24], *hand* [32], *heel* [39], *bone* [47]; từ chuyển loại sang một từ loại khác chiếm đa số: 43/50 từ (chiếm 86%). Quá trình chuyển loại các từ chỉ BPCTN rất đa dạng, không đóng khung trong phạm vi của bất kì một từ loại nào. Cụ thể, có bốn hướng chuyển loại là: (i) Chuyển loại từ danh từ sang động từ; (ii) Chuyển loại từ danh từ sang tính từ; (iii) Chuyển loại từ danh từ sang trạng từ (iv) Chuyển loại từ danh từ sang thán từ

3.2.1. Chuyển loại từ danh từ sang động từ

Xu hướng chuyển loại từ danh từ sang động từ được xem là xu hướng chủ đạo trong tiếng Anh. Trong số 50 từ khảo sát, có đến 47 từ chuyển sang từ loại động từ (chiếm 94%), ba từ chuyển sang các từ loại khác là: *intestine* [26], *backside* [37], *skeleton* [49]. Đáng lưu ý cả ba từ này đều không thuộc phần đầu cơ thể người, điều đó cũng đồng nghĩa 100% từ chỉ

bộ phận cơ thể thuộc phần đầu có chuyển loại sang động từ.

Nếu xét về nghĩa chuyển loại, nghĩa chuyển loại sang động từ cũng chiếm đa số. Kết quả thống kê cho thấy trong 129 nghĩa chuyển loại được ghi nhận ở 50 từ khảo sát, có 111 nghĩa chuyển loại sang động từ, chiếm 86% tổng số nghĩa chuyển loại.

Phân tích sâu hơn, chúng tôi phát hiện trong số 111 nghĩa chuyển loại sang động từ, nghĩa chuyển loại sang nội động từ (intransitive verb – nghĩa tự thân) chỉ chiếm một tỉ lệ khá khiêm tốn 20/111 (tương đương 18%), hiện tượng này xảy ra với các từ: *beard* [1], *head* [7], *iris* [8], *jaw* [9], *neck* [12], *nose* [13], *belly* [19], *elbow* [30], *knuckle* [33], *thumb* [35], *foot* [38], *heel* [39], *toe* [43], *sole* [45], *muscle* [48], *skin* [50]. Sau đây là một số ví dụ minh họa:

beard: râu → để râu, tạo râu: *The more I beard, the more my beard donates to Canadian athletes.*

(<http://www.urbandictionary.com>)

head: đầu → di chuyển về một hướng / nơi xác định: *He was heading for the exit.*

(<http://www.oxforddictionaries.com>)

neck: cổ → hôn, mơn trớn ở cổ: *They were necking in the corner of the room.*

(<http://www.merriam-webster.com>)

Điều đó cũng có nghĩa khi chuyển loại sang động từ, các từ chỉ bộ phận cơ thể chủ yếu chuyển sang ngoại động từ (transitive verb – nghĩa tác động vào sự vật), ví dụ:

skull: sọ → đánh vào đầu (ai): *My waking came in drugged stages—I had been skulled.*

(<http://www.oxforddictionaries.com>)

tongue: lưỡi → liếm, chạm, cảm giác (cái gì) bằng lưỡi: *He's tonguing a cigarette.*

(<http://www.learnersdictionary.com>)

back: lưng → ủng hộ: *He had a newspaper empire backing him.*

(<http://www.oxforddictionaries.com>)

Một phát hiện lí thú nữa là, xét về mặt hình thái, 100% động từ được hình thành từ quá

trình chuyển loại đều biến hình theo quy tắc khi được sử dụng ở hình thức quá khứ và quá khứ phân từ (tức thêm đuôi *-ed*). Phát hiện này góp phần củng cố quan điểm của tác giả Plag, I., (2002: 134-145) rằng có thể xác định từ gốc hay từ chuyển loại dựa trên đặc điểm hình thái của từ: trong khi động từ gốc có thể biến hình theo quy tắc hoặc bất quy tắc thì các động từ chuyển loại luôn theo đúng quy tắc. Đồng thời, cùng với các minh chứng có được từ từ nguyên học, điều này cũng sẽ góp phần chứng minh đây là các từ được hình thành từ quá trình chuyển loại.

3.2.2. Chuyển loại từ danh từ sang tính từ

Với xu hướng chuyển loại từ danh từ sang tính từ, trong 50 từ khảo sát chúng tôi ghi nhận có 08 trường hợp chuyển loại sang tính từ, chiếm tỉ lệ 16%. Các từ có chuyển loại sang tính từ gồm có: *head* [7], *lip* [10], *back* [18], *gut* [24], *intestine* [26], *hand* [32], *backside* [37], và *skeleton* [49]. Còn nếu thống kê theo nghĩa chuyển loại thì tỉ lệ này chỉ là 12,4% (16/129 nghĩa chuyển loại). Ví dụ:

head: đầu → thuộc vị trí đứng đầu, trưởng

As **head** editor at the TV station for 17 years, he has hired and fired innumerable staff members. (<http://www.merriam-webster.com>)

lip: môi → không chân thành: Part of the ritual of the awards ceremony is the nominee's **lip** praise for the performances of his or her competitors. (<http://www.merriam-webster.com>)

back: lưng → ở phía sau, hậu: Even on Sundays, people would be looking at cars and have full view into our **back** garden. (<http://www.oxforddictionaries.com>)

Một điều đáng lưu ý là các tính từ chuyển loại này chỉ có thể đảm nhận chức năng bổ nghĩa trước cho danh từ (attributive), không có một trường hợp nào thực hiện chức năng vị tố trong câu (predicative), ví dụ:

the **head** waiter; **lip** movements; **back** seat;
gut decision intestine war hand signals;
backside air drop skeleton staff

Việc từ chỉ BPCTN có tỉ lệ chuyển loại sang tính từ không cao và chỉ đảm nhận được chức năng *attributive*, theo chúng tôi, là do trong hệ thống từ vựng tiếng Anh có rất nhiều tính từ được phái sinh từ các danh từ chỉ bộ phận cơ thể, ví dụ như: *beard* - *beardless*, *brain* - *brainy*, *cheek* - *cheeky*, *chin* - *chinless*, Các tính từ phái sinh này vừa có tính phổ dụng cao, vừa có thể xuất hiện ở vị trí *attributive* và *predicative*.

Tuy trường hợp chuyển loại sang tính từ không phổ biến bằng trường hợp chuyển sang động từ, nhưng việc có 08/50 từ có hiện tượng chuyển loại sang tính từ, cũng như việc có chung đặc điểm về chức năng cú pháp cũng đủ để hình thành một xu hướng chuyển loại đối với lớp từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh.

3.2.3. Chuyển loại từ danh từ sang trạng từ và chuyển loại từ danh từ sang thán từ

Trường hợp chuyển loại sang trạng từ và chuyển loại sang thán từ là hai trường hợp rất hiếm gặp trong tiếng Anh. Trong 129 nghĩa chuyển loại, chỉ duy nhất có một nghĩa chuyển loại sang trạng từ và cũng chỉ có một nghĩa chuyển loại sang thán từ. Trường hợp chuyển loại sang trạng từ xảy ra với danh từ *bone* – xương vào năm 1825 với nghĩa nhấn mạnh (đến tận xương, tận tủy), tương đương với “completely”, “absolutely” (cực kì, vô cùng ...), ví dụ:

The air is **bone** dry.

It's a roof over a grass court and it's not like a football or rugby pitch, we need it to be absolutely **bone** dry.

(<http://www.thefreedictionary.com>)

Trạng từ *bone* có phạm vi hoạt động khá hẹp, chỉ có thể đứng trước bổ nghĩa cho tính từ, chứ không thể bổ nghĩa cho động từ.

Trường hợp chuyển loại sang thán từ có ở danh từ *heel* - gót chân, dùng để gọi chó theo, hoặc dùng, sát gót chân người chủ:

If, for example, he trotted at my side, I said “Good dog, **heel**”. The next time we were out

walking, he'd trod at heel and I'd say, "Good boy, Jasper, **heel**". That's all it took.

(The Dog Who Looked at Heaven: Stories of Rescued and Adopted Pets, Shelly Dennis-Orr)

Do chưa được phổ biến, hai trường hợp chuyển loại này được liệt kê nhằm chỉ để ghi nhận có hướng chuyển loại như vậy, chứ không nhằm để xác nhận đây là hai xu hướng chuyển loại đối với các từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh.

4. Kết luận

Có thể khẳng định hiện tượng chuyển loại các từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh là một hiện tượng phổ biến, được sử dụng như là một phương thức tạo từ trong ngôn ngữ này. Mặc dầu từ chuyển loại thuộc nhiều từ loại khác nhau, nhưng có thể kết luận rằng danh từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh chuyển loại một cách có hệ thống chủ yếu sang động từ và tính từ. Các từ loại còn lại như trạng từ, thán từ chỉ có tính ngẫu nhiên. Lớp từ chỉ BPCTN trong tiếng Anh không có hiện tượng chuyển loại ngược (tức từ các từ loại khác sang danh từ chỉ BPCTN). Động từ chuyển loại chỉ BPCTN trong tiếng Anh biến hình theo quy tắc, điều này góp phần củng cố đặc trưng về hình thái của động từ chuyển loại nói chung. Động từ chuyển loại thuộc lớp từ chỉ BPCTN phổ biến ở kiểu loại ngoại động từ hơn so với nội động từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (1997), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Biên (1995), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hoàng Văn Hành, Hà Quang Năng, Nguyễn Văn Khang (1998), *Từ tiếng Việt*. Nxb KHXH.

5. Hà Quang Năng (1998), *Đặc trưng ngữ nghĩa của hiện tượng chuyển loại các đơn vị từ vựng tiếng Việt*, Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 141-144.

6. Hồ Lê (2003), *Cấu tạo từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội.

7. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục.

Tiếng Anh

8. Antrushina G.B., Afanasyeva O.V., Morozov N.N. (1985), *English lexicology*. Moscow: Vuxaia Skola

9. Bruce I. (1998), *The role of "sense" in gottlob frege's theory of meaning*. An essay. University of New England, NSW, Australia.

10. Bybee J. (1985), *Morphology*. Amsterdam: Benjamins.

11. Dang Tran Cuong (2001), *Lectures on English lexicology*. Unpublished.

12. Greeraerts D. (2010), *Theories of lexical semantics*. Oxford University Press.

13. Hoang Tat Truong (1993), *Basic English lexicology*. Hanoi: Vietnam National University.

14. Larson, M. L. (1998), *Meaning-based translation*. New York: University Press of America.

15. Lipka L. (1992), *An outline of English lexicology*. Max Niemeyer Verlag Tubingen.

16. Plag I. (2002), *Word formation in English*. Cambridge: Cambridge University Press.

17. Sanders G. (1988), *Zero derivation and the overt analogue criterion*. Theoretical Morphology. Approaches in Modern Linguistics. Eds. M. Hammond & M. Noonan. San Diego: Academic Press.